TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36** /2026/ HNGĐ - ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2026
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi
Bà Phạm Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2026/TLST – HNGĐ ngày 09/03/2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/06/2026; Quyết định hoãn phiên toà số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/07/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1983; Căn cước công dân số: 0371830013xx cấp ngày 03/9/2024; địa chỉ: Thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn K).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981. Căn cước công dân số: 0370810026xx; địa chỉ: Thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn K).

Tại phiên tòa vắng mặt chị H - chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND thị trấn Y, huyện Y cũ nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình vào ngày 10/12/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh H1; Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do anh H1, chơi bời, thường xuyên uống rượu say xỉn, rồi chửi bới chị, đánh chị; chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H1 không thay đổi mà vẫn tiếp diễn việc đánh chửi,

xúc phạm thể xác tinh thần. Hai bên gia đình khuyên can rất nhiều lần nhưng không thay đổi cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng. Do tình trạng hôn nhân không thay đổi và lo sợ nên chị đã sống ly thân với anh H1 từ tháng 9/2025 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 chỉ có hai con chung là Nguyễn Thị H2, sinh năm 2003 và Nguyễn Thành T, sinh năm 2005, đều đã thành niên tự lập, vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn H1:* Anh H1 có đăng ký thường trú tại thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của BLTTDS và các văn bản tố tụng khác thông qua mẹ đẻ anh H1 nhưng anh H1 không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất ngày 03/7/2026, anh H1 vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ và ấn định thời gian xét xử vụ án vào ngày 22/7/2026. Tại phiên tòa hôm nay anh H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng:*

Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim H. Xử chị Lê Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.
- Về con chung, con riêng: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí ly hôn: Chị Lê Thị Kim H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim H yêu cầu giải quyết việc ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn H1 có địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú tại thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Nguyễn Văn H1 là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh H1 cố tình không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Kim H và bị đơn anh Nguyễn Văn H1. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Kim H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện Y cũ nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình vào ngày 10/12/2001. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị H và anh H1 sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn do anh H1 thường xuyên uống rượu say xỉn, rồi chửi bới chị, đánh chị; chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H1 không thay đổi mà vẫn tiếp diễn việc đánh chửi, xúc phạm thể xác tinh thần. Hai bên gia đình khuyên can rất nhiều lần nhưng anh H1 không thay đổi, cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng. Do tình trạng hôn nhân không thay đổi và lo sợ nên chị đã sống ly thân với anh H1 từ tháng 9/2025 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai.

Về phía anh H1 đã nhận được thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến, quan điểm về yêu cầu giải quyết việc ly hôn anh mà chị H đưa ra; không tham gia hòa giải do Tòa án thực hiện có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân.

Tại biên bản xác minh ngày 14/05/2026, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Mặc dù địa phương không nhận được bất kỳ báo cáo hay đơn thư gì về tình trạng hôn nhân nhưng qua theo dõi quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh H1 có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 hay uống rượu, vợ chồng có lời qua tiếng lại nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhau đến giữa năm 2025 chị H bỏ về nhà mẹ để sinh sống.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định do anh H1 hay uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, xúc phạm danh dự,

nhân phẩm nhau và từ đó mất niềm tin về nhau, mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến việc vợ chồng đã sống ly thân. Anh H1 đã được Tòa án nhiều lần triệu tập để lấy ý kiến và tham gia hòa giải nhưng anh H1 không có ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không tham gia hòa giải đoàn tụ với chị H, chứng tỏ anh H1 không muốn được hòa giải đoàn tụ với chị H. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng khắc phục, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim H cần chấp nhận, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, con riêng:

- Về con chung: Chị Lê Thị Kim H và anh Nguyễn Văn H1 có hai con chung là Nguyễn Thị H2, sinh năm 2003 và Nguyễn Thành T, sinh năm 2005 đều đã thành niên tự lập, chị H không yêu cầu giải quyết về con chung; do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này.

- Về con riêng: Chị Lê Thị Kim H và anh Nguyễn Văn H1 không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị Kim H và anh Nguyễn Văn H1 không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Kim H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim H về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

3. Về con chung, con riêng: Chị Lê Thị Kim H và anh Nguyễn Văn H1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lê Thị Kim H và anh Nguyễn Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000966 ngày 05/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị Kim H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;*
- *UBND xã Y*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh